

Bản án số: 599/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Quốc

Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé T - sinh năm: 1996. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: 5 L, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Võ Văn K - Sinh năm: 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị và anh Võ Văn K tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, chung sống hạnh phúc khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, không Kỳ nhất trong làm kinh tế gia đình, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn K để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, triệu tập tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh K không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bé T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Văn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh K không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Võ Văn K cưới nhau vào năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh K nhiều lần tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống, ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Anh K đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng lớn. Chị T vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Võ Văn K.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002802 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Bé T1 được ly hôn với anh Võ Văn K.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T1 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002802 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị T1 được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 27/9/2024, anh K được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An